|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD - ĐT BẮC NINH**  **Trường THPT Hàn Thuyên**  ***¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯***  ĐỀ THI THAM KHẢO  *(Đề gồm có 05 trang)* | **KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2023**  **Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI**  **Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ**  Thời gian làm bài: **50 phút** *(không kể thời gian giao đề)* |

**Câu 41:** Cho bảng số liệu: DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Ma-lai-xi-a** | **Cam-pu-chia** | **Mi-an-ma** | **Thái Lan** |
| Diện tích *(nghìn km2)* | 330,8 | 181,0 | 676,6 | 513,1 |
| Dân số *(triệu người)* | 32,3 | 16,7 | 54,3 | 69,7 |

*(Nguồn: Thống kế từ Liên hợp quốc 2021, https://danso.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2020 của một số quốc gia?

**A.** Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. **B**. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.

**C.** Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia. **D**. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII?

**A.** Hà Nội. **B.** Thanh Hóa. **C.** Đà Nẵng. **D.** Nha Trang.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào có quy mô lớn nhất trong các trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng sau đây?

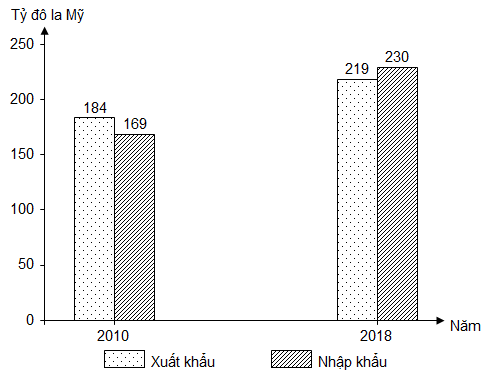
**A.** Đà Nẵng. **B.** Hải Phòng. **C.** Huế. **D.** Hạ Long.

**Câu 44:** Than bùn ở nước ta phân bố chủ yếu ở

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A NĂM 2010 VÀ 2018

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi giá trị xuất, nhập khẩu năm 2018 so với năm 2010 của In-đô-nê-xi-a?

**A.** Nhập khẩu tăng và xuất khẩu giảm. **B.** Nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu.

**C.** Xuất khẩu tăng gấp hai lần nhập khẩu. **D.** Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây **không** thuộc Bắc Trung Bộ?

**A.** Nghi Sơn. **B.** Chân Mây - Lăng Cô **C.** Vũng Áng. **D.** Chu Lai.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các khu kinh tế ven biển nào sau đây của vùng đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Định An, Bạc Liêu. **B.** Định An, Năm Căn.

**C.** Năm Căn, Rạch Giá. **D.** Định An, Kiên Lương.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

**A.** sông Chu. **B.** sông Hiếu. **C.** sông Giang. **D.** sông Ngàn Phố.

**Câu 49:** Khu vực nào sau đây ở nước ta có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất?

**A.** Dọc Duyên hải miền Trung. **B.** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 50:** Thuận lợi đối với khai thác hải sản ở Đông Nam Bộ là

**A.** rừng ngập mặn **B.** có các ngư trường.

**C.** nhiều bãi biển. **D.** bãi triều rộng.

**Câu 51:** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết tỉnh nào sau đây chưa có trung tâm công nghiệp?

**A.** Bình Thuận. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Bình Định. **D.** Phú Yên.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía nam cảng Nhật Lệ?

**A.** Thuận An. **B.** Cửa Lò. **C.** Cửa Gianh. **D.** Vũng Áng.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 1A **không** đi qua thành phố nào sau đây?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Hòa Bình. **C.** Biên Hòa. **D.** Cần Thơ.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết bãi tắm nào sau đây nằm trên đảo?

**A.** Bãi Khem. **B.** Thiên Cầm. **C.** Sa Huỳnh. **D.** Ninh Chữ.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen?

**A.** Nam Định. **B.** Hưng Yên. **C.** Hải Phòng. **D.** Hải Dương.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết ngành công nghiệp chế biến nông sản có ở trung tâm công nghiệp nào sao đây?

**A.** Cẩm Phả. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Bỉm Sơn. **D.** Long Xuyên.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết thành phố nào sau đây **không** phải là thành phố trực thuộc Trung ương?

**A.** Cần Thơ. **B.** Huế. **C.** Đà Nẵng. **D.** Hải Phòng.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây vừa giáp Trung Quốc, vừa giáp Lào?

**A.** Điện Biên. **B.** Lào Cai. **C.** Sơn La. **D.** Lai Châu.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây nằm ở cao nguyên Đắk Lắk?

**A.** Braian. **B.** Nam Decbri. **C.** Lang Bian. **D.** Chư Pha.

**Câu 60:** Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tính đa dạng sinh học ở nước ta là

**A.** biến đổi khí hậu. **B.** chiến tranh tàn phá. **C.** săn bắt động vật. **D.** phát triển nông nghiệp.

**Câu 61:** Ở Trung Bộ, nguyên nhân gây ngập lụt mạnh vào các tháng IX - X là do

**A.** mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về. **B.** các hệ thống sông lớn, lưu vực sông lớn.

**C.** mưa diện rộng, mặt đất thấp lại có đê bao bọc. **D.** mưa kết hợp với triều cường.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

**A.** Đắk Nông. **B.** Bình Định. **C.** Gia Lai. **D.** Phú Yên.

**Câu 63:** Sản xuất cây công nghiệp nước ta hiện nay

**A.** chỉ phục vụ nhu cầu trong nước. **B.** phân bố đồng đều khắp cả nước.

**C.** có nhiều nông sản xuất khẩu. **D.** tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

**Câu 64:** Hiệu quả khai thác thủy sản ở nước ta còn thấp chủ yếu là do

**A.** tập trung đánh bắt ở ven bờ. **B.** thiếu lao động có trình độ cao.

**C.** nguồn lợi thủy sản suy giảm. **D.** phương tiện đánh bắt lạc hậu.

**Câu 65:** Cơ cấu ngành công nghiệp đang chuyển dịch theo hướng

**A.** giảm tỉ trọng chế biến, sản phẩm chất lượng cao.

**B.** tăng tỉ trọng khai thác, sản phẩm trung bình.

**C.** đa dạng hóa sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh.

**D.** chuyên môn hóa sản phẩm, cạnh tranh về giá.

**Câu 66:** Chất lượng nguồn lao động của nước ta ngày càng được nâng cao chủ yếu là do

**A.** mở thêm nhiều các trung tâm đào tạo và hướng nghiệp.

**B.** phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

**C.** những thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.

**D.** số lượng lao động trong các công ty liên doanh tăng lên.

**Câu 67:** Khai thác khoáng sản biển nước ta hiện nay

**A.** quan trọng nhất là khai thác than đá. **B.** tập trung chủ yếu ven vịnh Bắc Bộ.

**C.** chỉ tập trung ở phần ngầm dưới biển. **D.** có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

**Câu 68:** Lãnh thổ nước ta có

**A.** hình dạng rất rộng, kéo dài. **B.** vùng đất rộng hơn vùng biển.

**C.** nhiều đảo lớn nhỏ ven bờ. **D.** vị trí nằm ở vùng xích đạo.

**Câu 69:** Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay

**A.** phát triển mạnh ở vùng đồi núi. **B.** phân bố đều khắp ở trong nước.

**C.** sắp xếp theo các cấp khác nhau. **D.** có rất nhiều thành phố cực lớn.

**Câu 70:** Giao thông vận tải đường bộ nước ta hiện nay

**A.** có nhiều trục đường bộ xuyên quốc gia. **B.** chỉ tập trung ở vùng đồng bằng.

**C.** chưa hội nhập vào đường bộ khu vực. **D.** được mở rộng, phủ kín các vùng.

**Câu 71:** Việc phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A.** Đẩy mạnh khai thác hải sản, tạo nguồn nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu.

**B.** Phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** Tăng vị thế của vùng, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động.

**D.** Phát triển kinh tế ven biển và thu hút nguồn vốn, công nghệ từ nước ngoài.

**Câu 72**. Hoạt động nội thương của nước ta có nhiều chuyển biến tích cực chủ yếu do

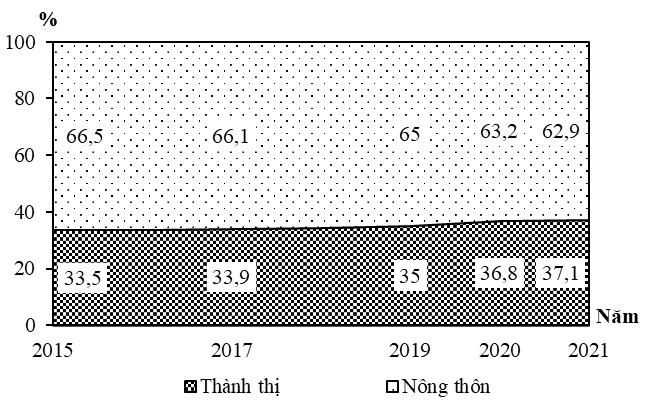
**A**. mức sống tăng, công nghệ phát triển, lao động đông đảo.

**B**. sản xuất phát triển, mức sống tăng, chính sách đổi mới.

**C**. chính sách thay đổi, dân số tăng nhanh, thị trường rộng.

**D**. hàng hóa đa dạng, dân số tăng, nhu cầu ngày càng lớn.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về dân số phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:

2 

0396752282 *(Số liệu theo https://www.gso.gov.vn)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Quy mô dân số phân theo thành thị và nông thôn.

**B.** Tốc độ tăng trưởng số dân thành thị và nông thôn.

**C.** Chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn.

**D.** Quy mô và cơ cấu dân số phânn theo thành thị và nông thôn.

**Câu 74:** Biện pháp chủ yếu để tăng diện tích rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là

**A.** khai thác hợp lí, phòng chống cháy rừng. **B.** đẩy mạnh khoanh nuôi, trồng rừng mới.

**C.** giao đất, giao rừng cho dân, bảo vệ rừng. **D.** ngăn chặn nạn phá rừng, đốt cây làm rẫy.

**Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

**B.** góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.

**C.** tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.

**D.** tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.

**Câu 76:** Hướng chính trong khai thác kinh tế vùng biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là kết hợp

**A.** khai thác sinh vật biển, khoáng sản và phát triển du lịch biển.

**B.** mặt biển, đảo, quần đảo và đất liền tạo nên thể kinh tế liên hoàn.

**C.** vùng bờ biển với đất liền và hệ thống sông ngòi, kênh rạch nội địa.

**D.** phát triển du lịch biển và đất liền, phát triển giao thông vận tải biển.

**Câu 77:** Hướng chủ yếu trong phát triển ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

**A.** khai thác thế mạnh du lịch, đa dạng hoá các loại hình kinh doanh.

**B.** thực hiện chuyển giao công nghệ, tăng cường mối liên kết kinh tế.

**C.** tích cực đầu tư theo chiều sâu, hiện đại hoá cơ sở vật chất kĩ thuật.

**D.** nâng cao hơn nữa trình độ lao động, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá.

**Câu 78:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

**A.** đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, tăng vụ, hình thành vùng chuyên canh lúa.

**B.** tập trung thâm canh cây công nghiệp, tăng vụ, chủ động phòng chống bão.

**C.** tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng phòng hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

**D.** đẩy mạnh thâm canh lúa, sử dụng giống mới, chủ động phòng chống bão.

**Câu 79:** Giới hạn của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Nam nước ta khác so với miền Bắc chủ yếu do

**A.** gió mùa Đông Bắc, vị trí gần với chí tuyến Bắc, hoạt động của frông.

**B.** nằm ở vĩ độ cao hơn, Tín phong bán cầu Bắc, Tín phong bán cầu Nam.

**C.** Tín phong bán cầu Nam, nằm xa chí tuyến Bắc, có nhiều cao nguyên.

**D.** nằm ở vĩ độ thấp hơn, các gió hướng tây nam, Tín phong bán cầu Bắc.

**Câu 80.** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: Triệu người)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2018** | **2021** |
| Thành thị | 30,88 | 32,64 | 36,56 |
| Nông thôn | 61,35 | 62,75 | 61,94 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Tròn. **C.** Đường. **D.** Cột.

----------------Hết--------------